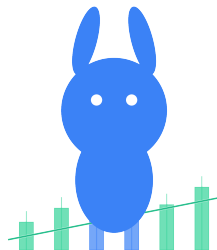


BunnyQuant

Phân Tích Kỹ Thuật

Hướng Dẫn Sử Dụng

Phân Tích Kỹ Thuật & Quản Lý Rủi Ro



Phiên Bản 1.0

Tháng 1, 2026

<https://quant.drnamlabs.com>

Mục lục

1	Giới Thiệu	3
1.1	BunnyQuant Là Gì?	3
1.2	Tính Năng Chính	3
1.3	Đối Tượng Sử Dụng	3
2	Bắt Đầu Sử Dụng	3
2.1	Đăng Ký Tài Khoản	3
2.2	Giao Diện Tổng Quan	4
2.3	Ví Dụ Nhanh	4
3	Phân Tích Cơ Bản	4
3.1	Tổng Quan	4
3.2	Cách Sử Dụng	5
4	Khung Phân Tích Kỹ Thuật	5
4.1	Tổng Quan	5
4.2	Tab Overview & Signals	6
4.2.1	Mục Đích	6
4.2.2	Các Chỉ Số Hiển Thị	7
4.3	Tab Market Cycle	7
4.3.1	Chức Năng	7
4.3.2	Cách Hiểu	8
4.3.3	Pha Chu Kỳ	8
4.4	Tab Adaptive Signals	8
4.4.1	Tổng Quan	8
4.4.2	Các Loại Tín Hiệu	9
4.4.3	Độ Tin Cậy Tín Hiệu	9
4.5	Tab Risk & Reward	10
4.5.1	Tổng Quan	10
4.5.2	Position Parameters (Thông Số Vị Thế)	10
4.5.3	Optimal Entry Analysis (Phân Tích Điểm Vào Tối Ưu)	11
4.5.4	Position Risk Analysis (Phân Tích Rủi Ro Vị Thế)	12
4.5.5	CVaR & CGain Analysis	13
4.5.6	Target Calculator (Máy Tính Mục Tiêu)	14
4.6	Tab Fractal Analysis	15
4.6.1	Chức Năng	15
4.6.2	Phân Loại Xu Hướng	15
4.6.3	Ý Nghĩa Giao Dịch	16
4.6.4	Các Chỉ Số Hiển Thị	16
4.7	Tab Pivot & S/R Levels	16
4.7.1	Tổng Quan	16
4.7.2	Pivot Points	16
4.7.3	Support & Resistance Levels	17
4.7.4	Giao Dịch Với S/R	17
4.8	Tab S/R Engine Diagnostics	17
4.8.1	Mục Đích	17
4.8.2	Các Chỉ Số Chẩn Đoán	18
4.8.3	Cách Sử Dụng	18
4.9	Tab Distribution Analysis	19

4.9.1	Tổng Quan	19
4.9.2	Các Chỉ Số Hiển Thị	19
4.9.3	Cách Hiểu	20
4.9.4	Ứng Dụng Thực Tế	20
5	Quy Trình Phân Tích Tích Hợp	20
5.1	Quy Trình Quyết Định Giao Dịch Hoàn Chỉnh	20
5.1.1	Các Bước Thực Hiện	20

1 Giới Thiệu

1.1 BunnyQuant Là Gì?

BunnyQuant là nền tảng giao dịch định lượng tiên tiến, kết hợp phân tích kỹ thuật với quản lý rủi ro chuyên nghiệp. Được xây dựng bởi traders cho traders, BunnyQuant cung cấp các công cụ phân tích cấp tổ chức thông qua giao diện web đơn giản.

1.2 Tính Năng Chính

- **Phân Tích Risk & Reward:** Tính toán rủi ro/lợi nhuận chi tiết với CVaR/CGain
- **Phân Tích Fractal:** Nhận diện xu hướng thị trường (trending, mean-reverting, random)
- **Chu Kỳ Thị Trường:** Xác định chu kỳ và giai đoạn hiện tại
- **Tín Hiệu Thích Nghi:** Khuyến nghị giao dịch dựa trên điều kiện thị trường
- **Hỗ Trợ/Kháng Cự:** Tự động xác định các mức giá quan trọng
- **Phân Tích Phân Phối:** Đánh giá rủi ro thống kê
- **Dữ Liệu Thời Gian Thực:** Tích hợp Yahoo Finance
- **Nhiều Khung Thời Gian:** Hỗ trợ từ phút đến tháng

1.3 Đối Tượng Sử Dụng

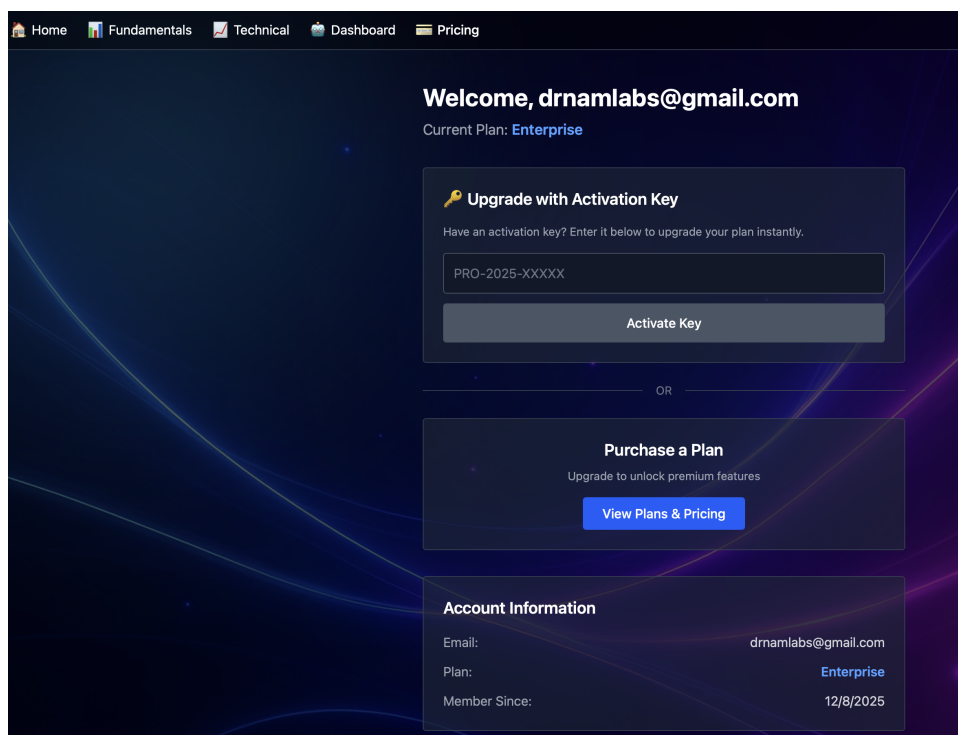
Nền tảng phù hợp cho:

- Traders tìm kiếm công cụ quản lý rủi ro chuyên nghiệp
- Nhà đầu tư cần phân tích kỹ thuật toàn diện
- Quản lý danh mục đầu tư cần chiến lược thích nghi

2 Bắt Đầu Sử Dụng

2.1 Đăng Ký Tài Khoản

1. Truy cập <https://quant.drnamlabs.com>
2. Nhấn "**Sign Up**" ở góc trên bên phải
3. Nhập email và tạo mật khẩu
4. Xác nhận email
5. Đăng nhập để sử dụng nền tảng



Hình 1: Giao Diện Chính BunnyQuant

2.2 Giao Diện Tổng Quan

Giao diện BunnyQuant gồm ba phần chính:

Thanh Điều Hướng Truy cập các module phân tích (Fundamentals, Technical, Settings)

Bảng Nhập Liệu Cấu hình mã cổ phiếu, khung thời gian, và thông số phân tích

Bảng Kết Quả Xem biểu đồ, chỉ số, và tín hiệu giao dịch

2.3 Ví Dụ Nhanh

1. Nhập mã cổ phiếu: AAPL
2. Chọn interval: 1 day
3. Chọn lookback: 3 months
4. Nhấn "**Analyze**"
5. Xem kết quả phân tích toàn diện

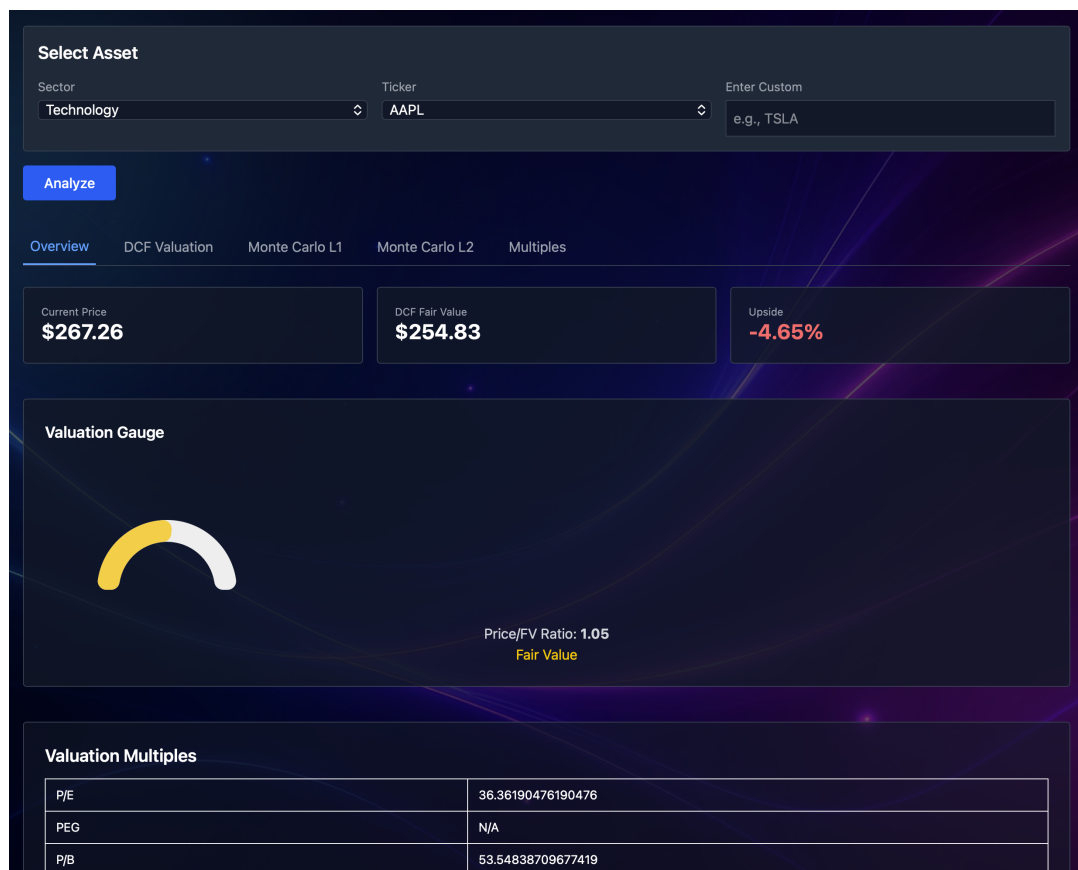
3 Phân Tích Cơ Bản

3.1 Tổng Quan

Module Fundamentals cung cấp các chỉ số tài chính quan trọng:

- Vốn hóa thị trường và giá trị doanh nghiệp
- Tỷ lệ P/E, PEG và các hệ số định giá

- Doanh thu, lợi nhuận và tốc độ tăng trưởng
- Khuyến nghị của các nhà phân tích
- Thông tin công ty và ngành



Hình 2: Bảng Phân Tích Cơ Bản

3.2 Cách Sử Dụng

- Kiểm tra sức khỏe tài chính trước khi phân tích kỹ thuật
- Lọc cổ phiếu theo định giá
- Hiểu vị thế ngành và cạnh tranh
- Kết hợp fundamentals mạnh với tín hiệu kỹ thuật tốt

4 Khung Phân Tích Kỹ Thuật

4.1 Tổng Quan

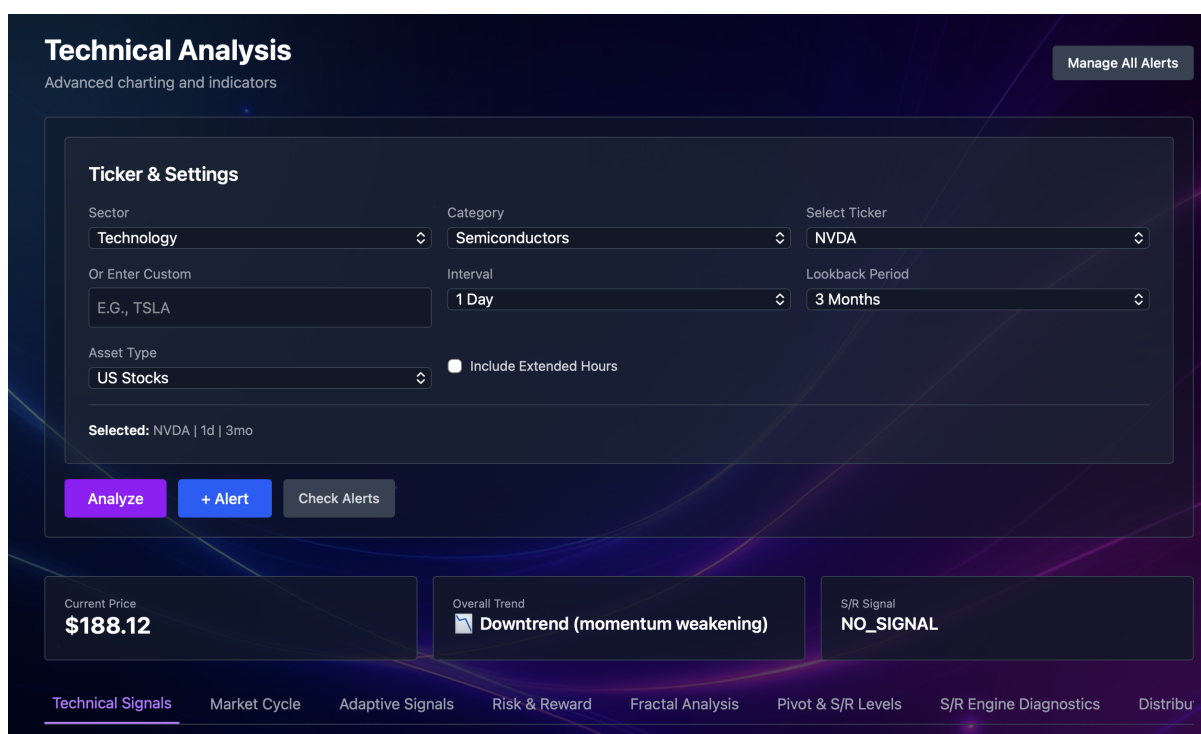
Nền tảng phân tích kỹ thuật của BunnyQuant cung cấp 8 module chuyên biệt:

1. **Overview/Signals** - Tổng hợp chỉ số và tín hiệu
2. **Market Cycle** - Phân tích chu kỳ thị trường
3. **Adaptive Signals** - Tín hiệu giao dịch thích nghi

4. **Risk & Reward** - Tính toán vị thế và quản lý rủi ro
5. **Fractal Analysis** - Phân loại xu hướng thị trường
6. **Pivot & S/R Levels** - Hỗ trợ/kháng cự và pivot points
7. **S/R Engine Diagnostics** - Chẩn đoán chi tiết S/R
8. **Distribution Analysis** - Phân tích phân phối lợi nhuận

Header hiển thị:

- **Current Price:** Giá hiện tại
- **Overall Trend:** Xu hướng tổng thể và momentum
- **S/R Signal:** Tín hiệu hỗ trợ/kháng cự



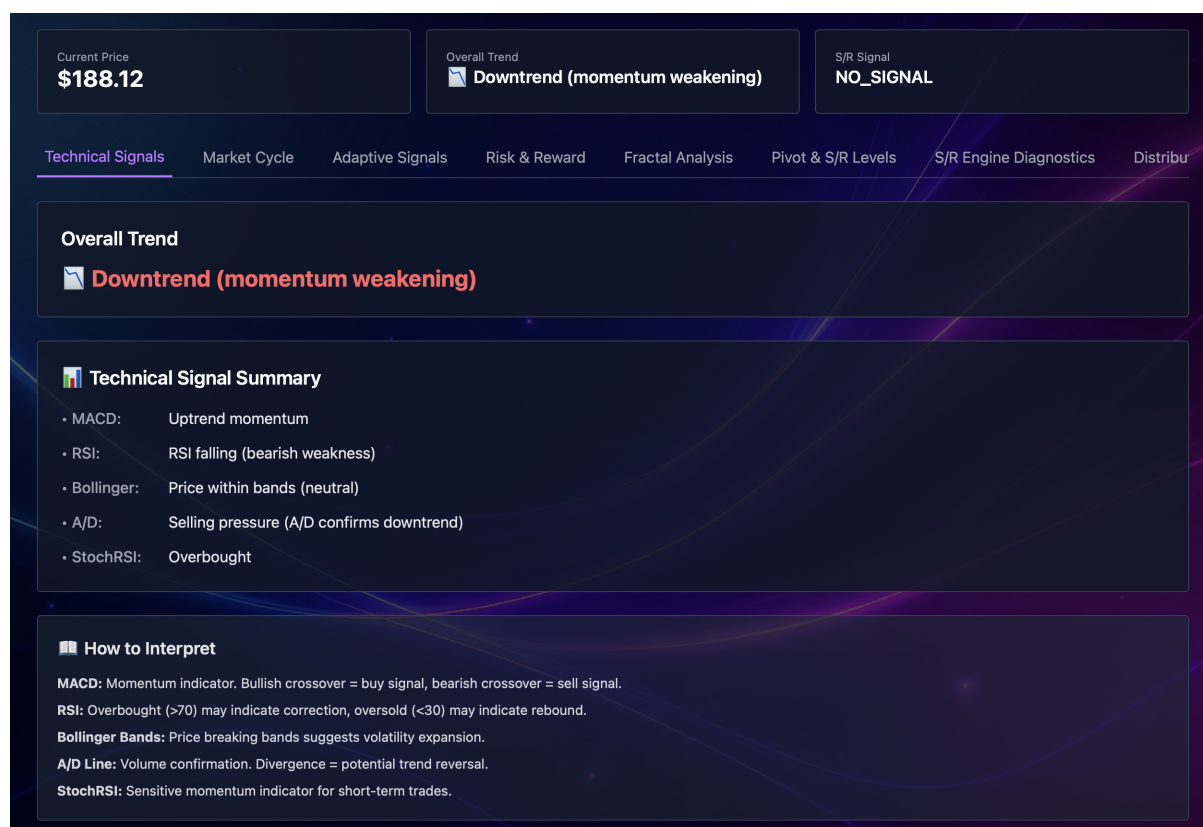
Hình 3: Giao Diện Phân Tích Kỹ Thuật

4.2 Tab Overview & Signals

4.2.1 Mục Đích

Tab Overview cung cấp cái nhìn tổng hợp về tất cả các module:

- Tóm tắt điều kiện thị trường hiện tại
- Các chỉ báo kỹ thuật quan trọng
- Tín hiệu từ nhiều module
- Các chỉ số tham khảo nhanh



Hình 4: Tab Overview & Signals

4.2.2 Các Chỉ Số Hiển Thị

Price Action Giá hiện tại với bối cảnh xu hướng

Momentum Sức mạnh và hướng của xu hướng

Support/Resistance Các mức giá quan trọng

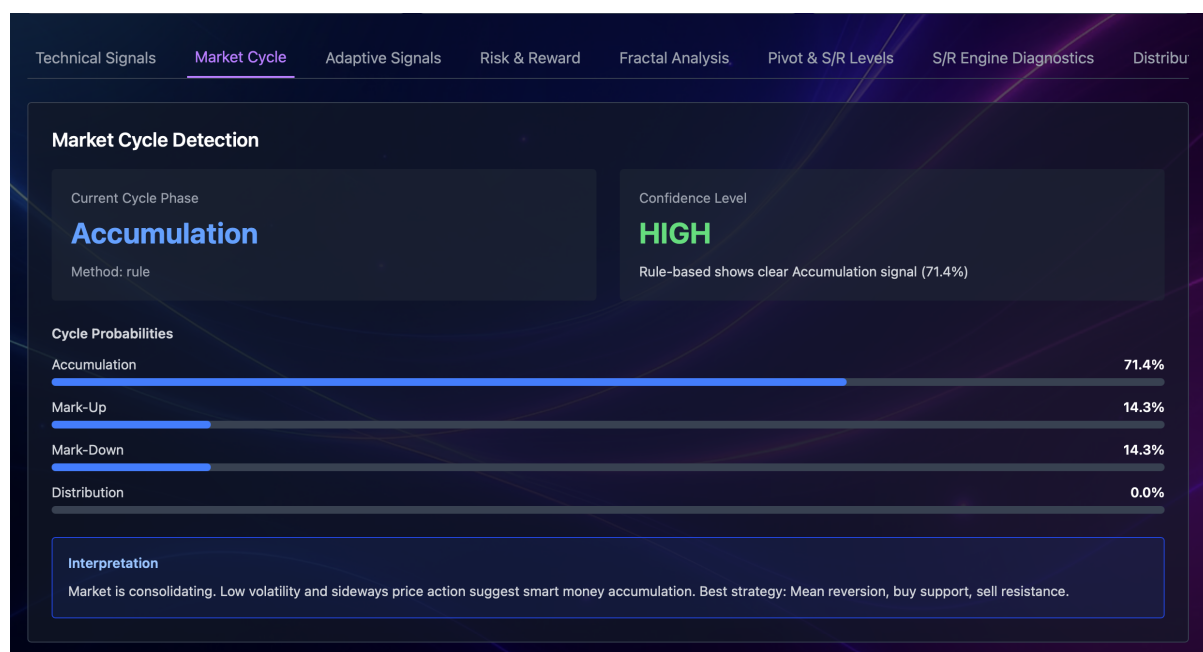
Tín Hiệu Tổng Hợp Buy/Sell/Neutral từ tất cả modules

4.3 Tab Market Cycle

4.3.1 Chức Năng

Module phát hiện chu kỳ thị trường để timing giao dịch tốt hơn:

- **Chu Kỳ Chủ Đạo:** Độ dài chu kỳ nổi bật nhất (theo số cây nến)
- **Độ Mạnh Chu Kỳ:** Mức độ rõ ràng của chu kỳ (0-100%)
- **Pha:** Vị trí hiện tại trong chu kỳ (0-360°)



Hình 5: Tab Market Cycle

4.3.2 Cách Hiểu

Bảng 1: Giải Thích Độ Mạnh Chu Kỳ

Độ Mạnh	Ý Nghĩa	Cách Giao Dịch
> 70%	Chu kỳ rất mạnh	Timing theo pha chu kỳ
50 – 70%	Chu kỳ trung bình	Xem xét chu kỳ
30 – 50%	Chu kỳ yếu	Ít tin cậy
< 30%	Không có chu kỳ	Bỏ qua phân tích chu kỳ

4.3.3 Pha Chu Kỳ

- **Pha 0-90° (Mở Rộng):** Giai đoạn tăng giá sớm
- **Pha 90-180° (Đỉnh):** Giai đoạn tăng giá muộn
- **Pha 180-270° (Thu Hẹp):** Giai đoạn giảm giá sớm
- **Pha 270-360° (Đáy):** Giai đoạn giảm giá muộn, chuẩn bị đảo chiều

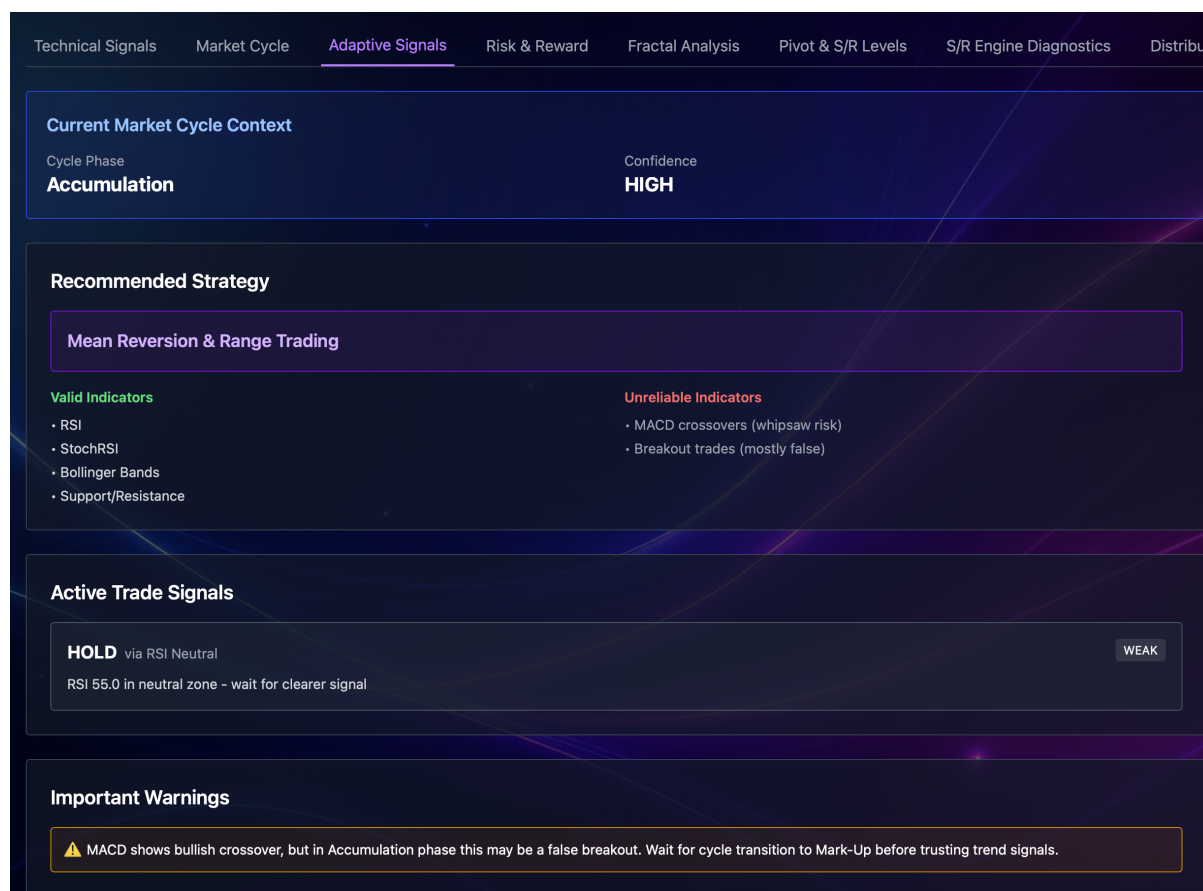
4.4 Tab Adaptive Signals

4.4.1 Tổng Quan

Module tạo tín hiệu giao dịch thông minh dựa trên:

- Phân loại xu hướng thị trường (từ Fractal Analysis)
- Thông tin pha chu kỳ
- Các mức hỗ trợ/kháng cự

- Chỉ số rủi ro/lợi nhuận



Hình 6: Tab Adaptive Signals

4.4.2 Các Loại Tín Hiệu

BUY Khuyến nghị mở vị thế long - điều kiện thuận lợi

SELL Khuyến nghị short hoặc thoát long - điều kiện bearish

NEUTRAL Không có xu hướng rõ ràng - chờ đợi

NO_SIGNAL Dữ liệu không đủ hoặc tín hiệu mâu thuẫn

4.4.3 Độ Tin Cậy Tín Hiệu

Mỗi tín hiệu có điểm tin cậy (0-100%):

Bảng 2: Giải Thích Độ Tin Cậy

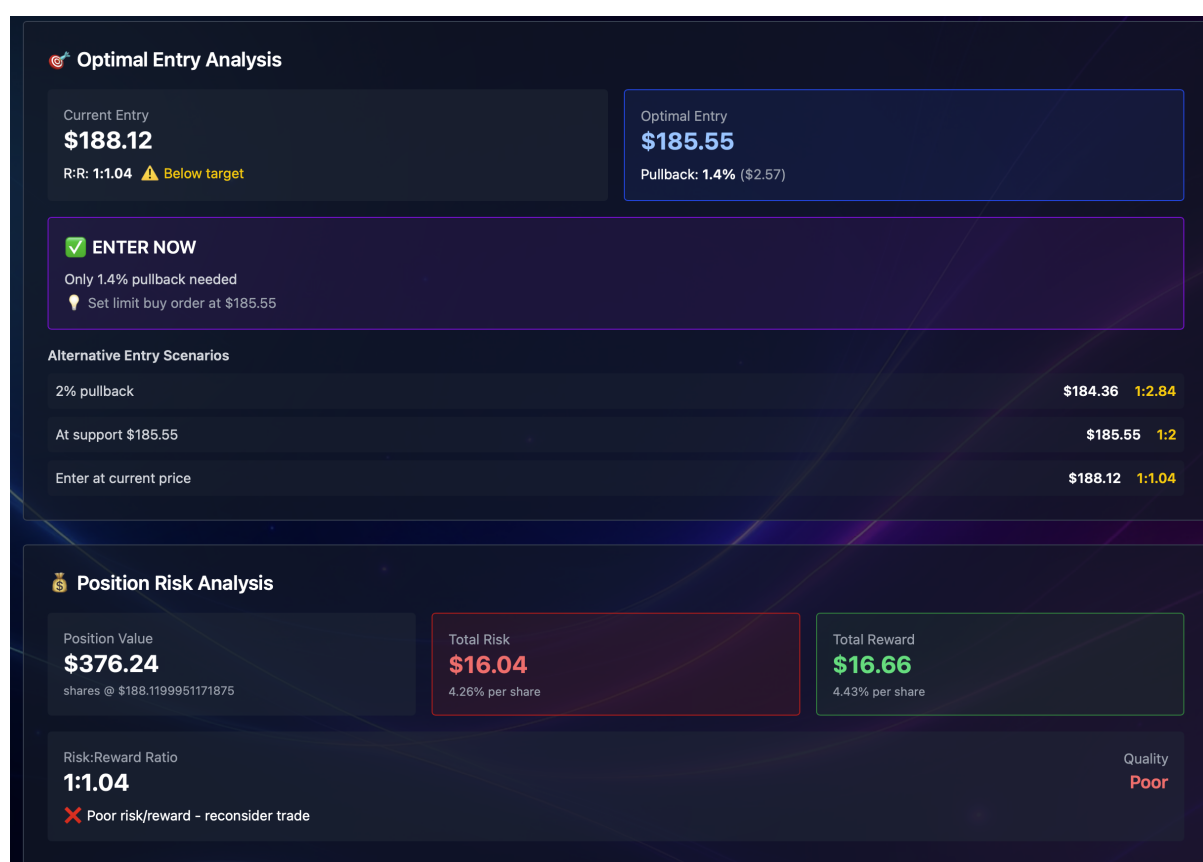
Độ Tin Cậy	Ý Nghĩa	Hành Động
> 80%	Rất cao	Vị thế đầy đủ
60 – 80%	Cao	Vị thế tiêu chuẩn
40 – 60%	Trung bình	Giảm vị thế
< 40%	Thấp	Bỏ qua giao dịch

4.5 Tab Risk & Reward

4.5.1 Tổng Quan

Tab quan trọng nhất để quản lý vị thế giao dịch, bao gồm:

- **Position Parameters:** Cấu hình thông số giao dịch
- **Optimal Entry Analysis:** Xác định giá vào lệnh tối ưu
- **Position Risk Analysis:** Tính rủi ro/lợi nhuận
- **CVaR & CGain Analysis:** Đo lường rủi ro thống kê
- **Target Calculator:** Tính toán ngược từ mục tiêu lợi nhuận



Hình 7: Tab Risk & Reward - Toàn Cảnh

4.5.2 Position Parameters (Thông Số Vị Thế)

Cấu hình thông số giao dịch của bạn:

Hình 8: Cấu Hình Position Parameters

Confidence Level (Mức Tin Cây) Mức tin cậy thống kê cho tính toán CVaR/CGain. Mặc định: 95%. Cao hơn (99%) = ước tính bảo thủ hơn.

Entry Price (Giá Vào) Giá bạn dự định vào lệnh. Để trống = dùng giá thị trường hiện tại.

Position Size (Số Cổ) Số lượng cổ phiếu giao dịch. Dùng để tính rủi ro/lợi nhuận bằng tiền.

Portfolio Value (Giá Trị Danh Mục) Tùy chọn. Tổng giá trị danh mục để kiểm tra đa dạng hóa hợp lý.

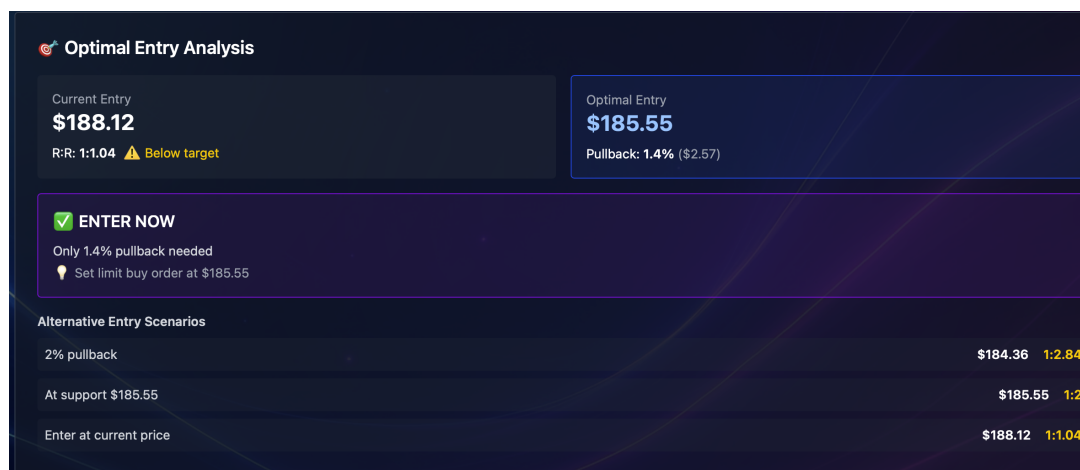
Target Risk per Trade (Rủi Ro Mục Tiêu) Tỷ lệ thua lỗ tối đa chấp nhận được (theo % giá vào). Mặc định: 2%.

Target R:R Ratio (Tỷ Lệ R:R Mục Tiêu) Tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro mong muốn. Phổ biến: 1.5, 2.0, 3.0.

Win Rate (Tỷ Lệ Thắng) Tùy chọn (0-1). Tỷ lệ thắng lịch sử hoặc ước tính. Dùng để tính expected value.

4.5.3 Optimal Entry Analysis (Phân Tích Điểm Vào Tối Ưu)

Xác định giá vào lệnh tối ưu dựa trên phân phối giá gần đây.



Hình 9: Phân Tích Optimal Entry

Các Chỉ Số:**Current Entry** Giá thị trường hiện tại**Optimal Entry** Giá vào lý tưởng được tính toán**Pullback Required** Phần trăm điều chỉnh cần để đạt giá tối ưu**R:R Comparison** So sánh tỷ lệ R:R ở giá hiện tại vs. tối ưu**Quyết Định:**

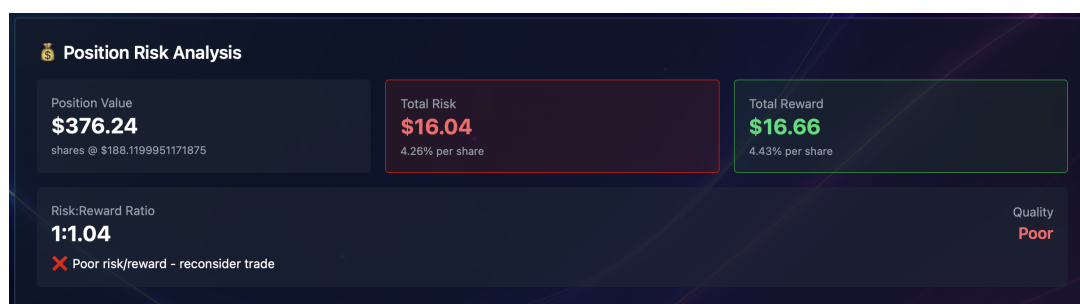
- **ENTER NOW** - Pullback < 2%, có thể vào ngay
- **WAIT** - Pullback 2-5%, nên chờ
- **SET LIMIT ORDER** - Pullback > 5%, đặt lệnh chờ

Alternative Entry Scenarios Hiển thị tỷ lệ R:R ở các mức vào khác nhau:

- **2% pullback:** Vào sau điều chỉnh nhỏ
- **At support:** Vào tại mức hỗ trợ tiếp theo
- **Current price:** Vào ngay lập tức

4.5.4 Position Risk Analysis (Phân Tích Rủi Ro Vị Thế)

Tính toán rủi ro và lợi nhuận bằng tiền cho vị thế của bạn.



Hình 10: Phân Tích Position Risk

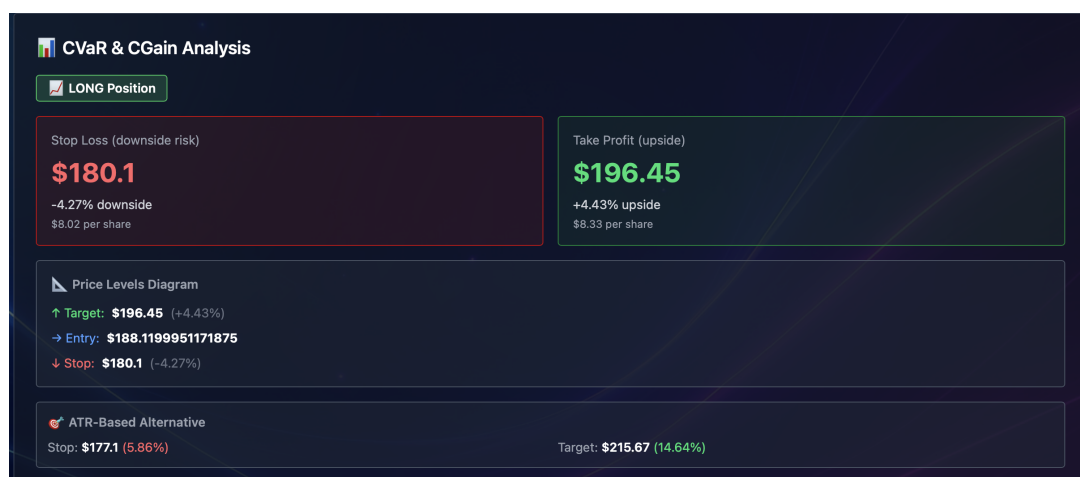
Giải Thích Chỉ Số:**Position Value** Tổng vốn: Số cổ $\times$ Giá vào**Total Risk** Số tiền mất nếu chạm stoploss**Total Reward** Số tiền lời nếu đạt target**Risk:Reward Ratio** Tỷ lệ lợi nhuận/rủi ro (VD: 1:2.5)**Quality** Đánh giá chất lượng giao dịch dựa trên R:R

Bảng 3: Đánh Giá Chất Lượng Giao Dịch

Tỷ Lệ R:R	Chất Lượng	Khuyến Nghị
$\geq 1 : 3$	Xuất sắc	Thực hiện giao dịch
$1 : 2 - 1 : 3$	Tốt	Setup chấp nhận được
$1 : 1.5 - 1 : 2$	Khá	Cần nhắc kỹ
$< 1 : 1.5$	Kém	Tránh hoặc xem lại

4.5.5 CVaR & CGain Analysis

Phân tích rủi ro đuôi thống kê - đo lường rủi ro/lợi nhuận trong các tình huống xấu/tốt nhất.



Hình 11: Phân Tích CVaR & CGain

Các Chỉ Số Hiển Thị**Stop Loss Price** Mức cắt lỗ dựa trên CVaR**Downside %** Phần trăm lỗ nếu chạm stoploss**Take Profit Price** Mức chốt lời dựa trên CGain**Upside %** Phần trăm lời nếu đạt target**Sơ Đồ Price Levels** Hiển thị trực quan:

- $\uparrow$ **Target**: Giá chốt lời
- $\rightarrow$ **Entry**: Giá vào lệnh
- $\downarrow$ **Stop**: Giá cắt lỗ

Long vs. Short Chuyển đổi giữa:

- **LONG:** Mua thấp, bán cao. Stoploss dưới giá vào.
- **SHORT:** Bán cao, mua thấp. Stoploss trên giá vào.

4.5.6 Target Calculator (Máy Tính Mục Tiêu)

Công cụ tính ngược: Nhập mục tiêu lợi nhuận, nhận giá vào và số cổ cần thiết.

Use Case:

"Tôi muốn kiếm \$1,000 với rủi ro tối đa 2% và R:R 1:2. Cần vào giá nào và bao nhiêu cổ?"

Target Position Calculator
Calculate optimal entry, SL, TP based on your profit target

Target Profit (\$) Max Loss (\$)

Direction Min R:R Ratio

Calculate Trade Setup

LONG
NVDA @ \$188.12 **WAIT FOR PULLBACK**

Entry Price \$185.36 ATR-based	Stop Loss \$180.1 CVA-R	Take Profit \$518.7 Calculated
---	--------------------------------------	---

Position Size 3 shares	Position Value \$556.09	Total Risk \$15.79	Total Reward \$1,000
Risk per Share \$5.26 (2.84%)	Reward per Share \$333.33 (179.83%)	R:R Ratio 1:63.31	

Execution Plan

- Wait for 1.5% pullback to \$185.36
- Set limit buy order at \$185.36
- Monitor for intraday dip to entry level
- Set stop loss and take profit as OCO orders

Hình 12: Target Calculator

Input:

- Lợi nhuận mong muốn (\$)
- Lỗ tối đa chấp nhận (\$)
- Tỷ lệ R:R mục tiêu
- Giá thị trường hiện tại

Output:

- Giá vào tối ưu

- Số cổ cần mua
- Giá stoploss
- Giá target

4.6 Tab Fractal Analysis

4.6.1 Chức Năng

Phân loại xu hướng thị trường bằng phân tích fractal (Hurst Exponent):



Hình 13: Tab Fractal Analysis

4.6.2 Phân Loại Xu Hướng

Bảng 4: Phân Loại Theo Hurst Exponent

Hurst (H)	Xu Hướng	Đặc Điểm
$H > 0.55$	Trending	Xu hướng mạnh, momentum tiếp diễn
$0.45 \leq H \leq 0.55$	Random Walk	Thị trường hiệu quả, không dự đoán
$H < 0.45$	Mean-Reverting	Dao động quanh trung bình

4.6.3 Ý Nghĩa Giao Dịch

Trending ($H > 0.55$): Chiến lược momentum, theo xu hướng

Random Walk ($0.45 \leq H \leq 0.55$): Tránh giao dịch theo hướng

Mean-Reverting ($H < 0.45$): Chiến lược ngược xu hướng, mua đáy bán đỉnh

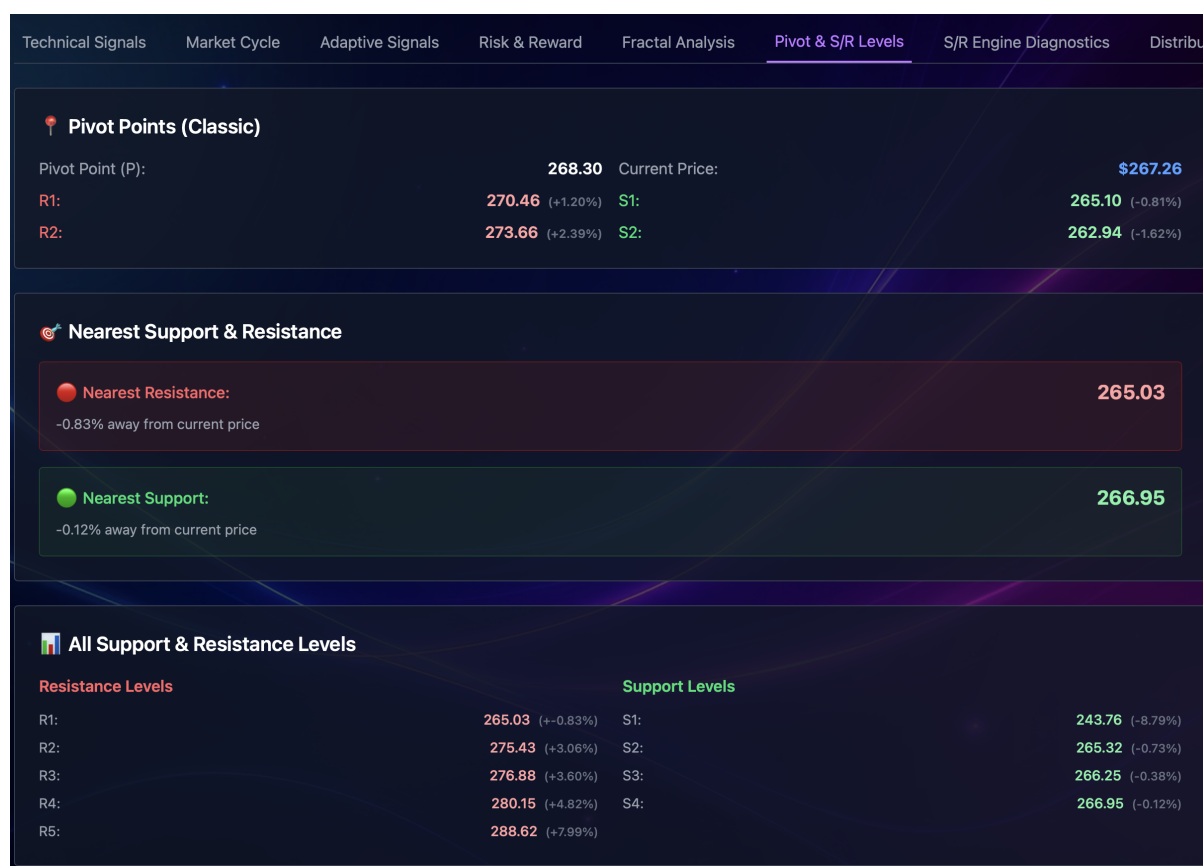
4.6.4 Các Chỉ Số Hiện Thị

- **Hurst Exponent Hiện Tại**: Phân loại xu hướng real-time
- **Biểu Đồ Hurst Evolution**: Lịch sử thay đổi xu hướng
- **Regime Stability**: Độ ổn định của xu hướng hiện tại
- **Xác Suất Thay Đổi**: Khả năng chuyển xu hướng sắp tới

4.7 Tab Pivot & S/R Levels

4.7.1 Tổng Quan

Module tính toán và hiển thị các mức giá quan trọng nơi áp lực mua/bán có thể xuất hiện.



Hình 14: Tab Pivot & S/R Levels

4.7.2 Pivot Points

Các điểm pivot được tính theo công thức chuẩn, bao gồm:

- Pivot Point (P)
- Resistance 1, 2, 3 (R1, R2, R3)
- Support 1, 2, 3 (S1, S2, S3)

4.7.3 Support & Resistance Levels

S/R Tự Động Mức được phát hiện bằng thuật toán

Mức Lịch Sử Đỉnh/đáy swing trước đó

Mức Tâm Lý Số tròn (VD: \$100, \$150, \$200)

Độ Mạnh Thang 1-5 dựa trên số lần test và volume

4.7.4 Giao Dịch Với S/R

Mức Support (Vùng Mua)

- Tìm kiếm bounce tại support
- Đặt stoploss dưới support một chút
- Tăng vị thế tại support mạnh

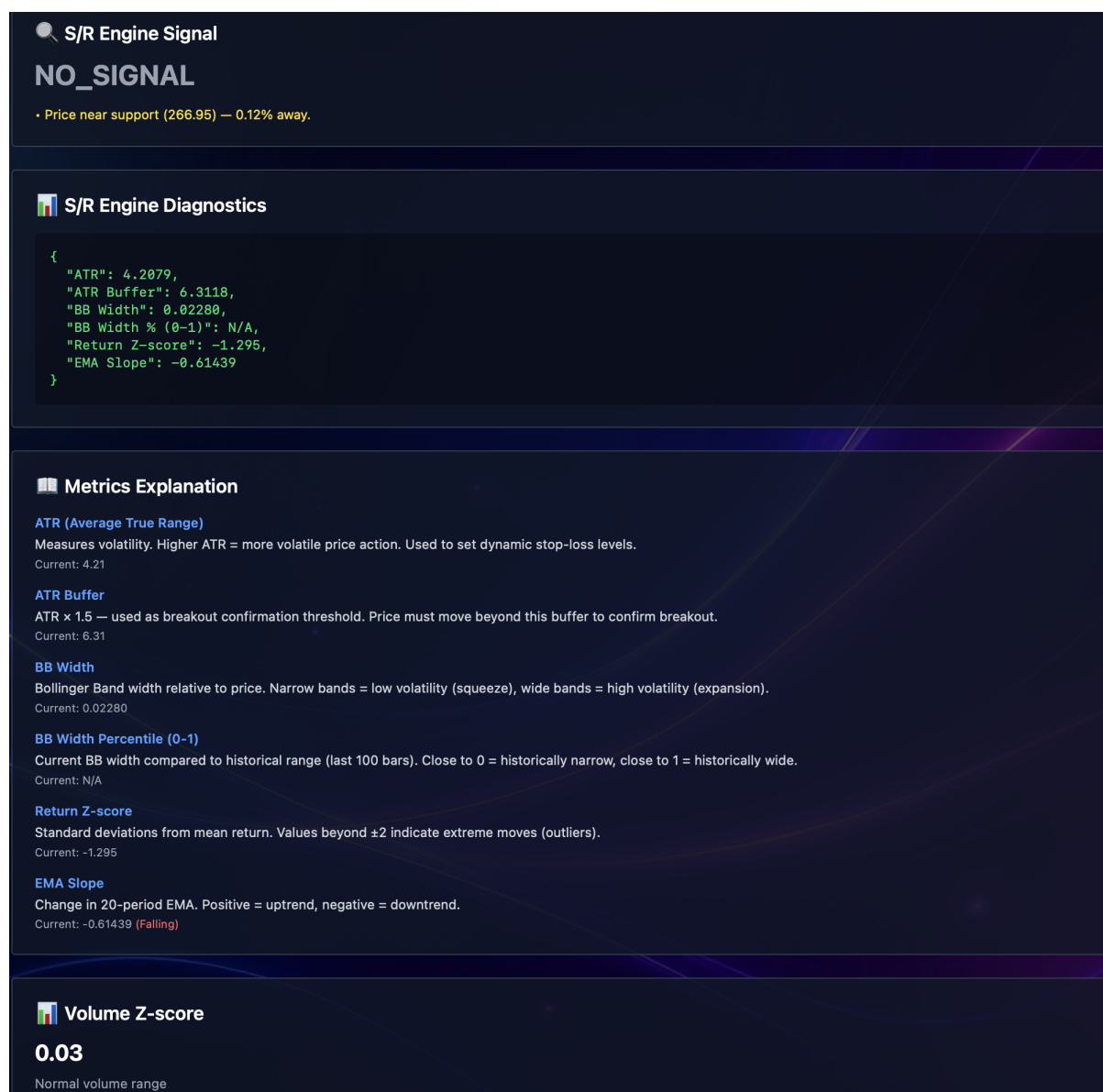
Mức Resistance (Vùng Bán)

- Chốt lời gần resistance
- Tìm breakout vượt resistance
- Cơ hội short khi bị reject

4.8 Tab S/R Engine Diagnostics

4.8.1 Mục Đích

Công cụ chẩn đoán nâng cao hiển thị cách thuật toán phát hiện Support/Resistance hoạt động.



Hình 15: Tab S/R Engine Diagnostics

4.8.2 Các Chỉ Số Chẩn Đoán

Detection Confidence Độ tin cậy của thuật toán vào mức đã xác định (0-100%)

Level Density Số lượng mức S/R trên mỗi khoảng giá

Cluster Analysis Nhóm các mức gần nhau (zones)

Volume Profile Mức giá có volume giao dịch cao nhất

Touch Count Số lần giá test mỗi mức

Recency Score Trọng số cho mức gần đây vs. lịch sử

4.8.3 Cách Sử Dụng

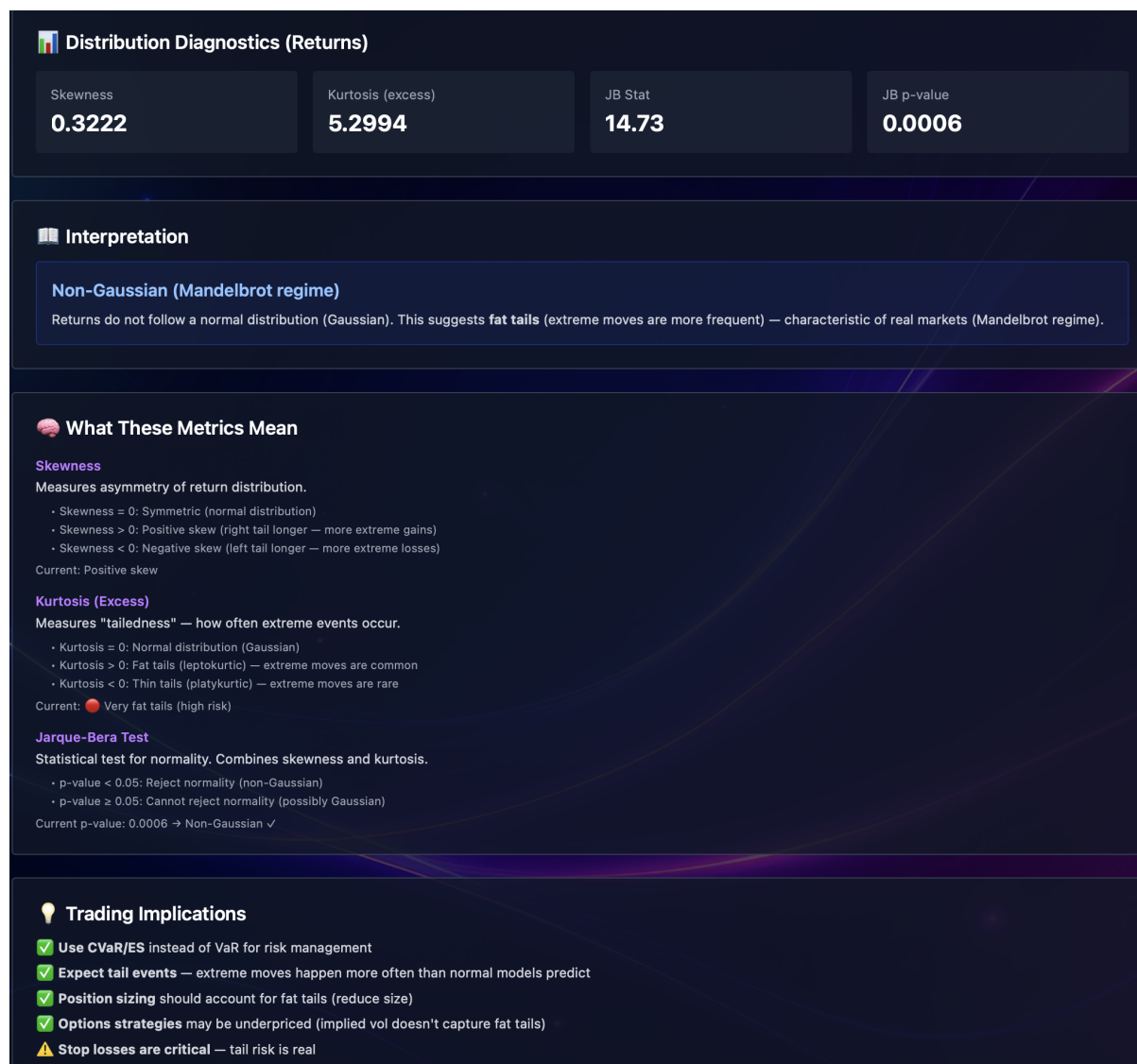
- Xác thực độ tin cậy của mức S/R

- Hiểu tại sao một số mức được ưu tiên
- Tính chỉnh cách hiểu về support/resistance
- Phân biệt vùng đông đúc vs. mức rõ ràng

4.9 Tab Distribution Analysis

4.9.1 Tổng Quan

Phân tích thống kê phân phối lợi nhuận, cung cấp insight về hành vi giá.



Hình 16: Tab Distribution Analysis

4.9.2 Các Chỉ Số Hiển Thị

Histogram Phân Phối Biểu đồ tần suất lợi nhuận theo ngày/giờ.

Các Đo Lường Thống Kê

Mean Return Lợi nhuận trung bình mỗi kỳ

Median Return Giá trị giữa của phân phối

Standard Deviation Độ biến động

Skewness Độ lệch phân phối (dương = đuôi phải dài)

Kurtosis Độ "béo" đuôi (> 3 = đuôi béo, rủi ro sụp đổ)

Phân Tích Đuôi

- **Đuôi Trái (Downside):** Tần suất và mức độ thua lỗ lớn
- **Đuôi Phải (Upside):** Tần suất và mức độ lời lớn
- **Fat Tails:** Chỉ số rủi ro sụp đổ/rally ngoài phân phối chuẩn

4.9.3 Cách Hiểu

Bảng 5: Đặc Điểm Phân Phối & Ý Nghĩa

Đặc Điểm	Giá Trị	Ý Nghĩa
Skewness	> 0.5	Momentum dương, theo xu hướng
Skewness	< -0.5	Momentum âm, thận trọng
Kurtosis	> 5	Đuôi béo, dùng stop rộng hơn
Kurtosis	< 3	Phân phối chuẩn, rủi ro tiêu chuẩn
StdDev	Tăng	Volatility tăng, giảm vị thế
StdDev	Giảm	Volatility giảm, vị thế bình thường

4.9.4 Ứng Dụng Thực Tế

1. **Position Sizing:** Kurtosis cao $\rightarrow$ vị thế nhỏ hơn
2. **Đặt Stop:** Stop rộng hơn trong phân phối đuôi béo
3. **Xác Nhận Xu Hướng:** Phân phối thay đổi = chuyển xu hướng
4. **Đánh Giá Rủi Ro:** Phân tích đuôi tiết lộ rủi ro thực sự

5 Quy Trình Phân Tích Tích Hợp

5.1 Quy Trình Quyết Định Giao Dịch Hoàn Chỉnh

5.1.1 Các Bước Thực Hiện

1. **Đánh Giá Nhanh (Tab Overview)**
 - Kiểm tra xu hướng hiện tại
 - Xem tín hiệu S/R
 - Có cái nhìn tổng quan về tất cả chỉ báo
2. **Xác Định Xu Hướng Thị Trường (Fractal Analysis)**
 - Tính Hurst exponent hiện tại

- Phân loại: Trending, Mean-Reverting, hay Random Walk
- Lưu ý độ ổn định và xác suất thay đổi

3. Phân Tích Chu Kỳ (Market Cycle)

- Xác định chu kỳ chủ đạo
- Đánh giá độ mạnh chu kỳ
- Xác định pha hiện tại

4. Nhận Tín Hiệu Giao Dịch (Adaptive Signals)

- Xem khuyến nghị BUY/SELL/NEUTRAL
- Kiểm tra độ tin cậy tín hiệu
- Hiểu lý do đằng sau tín hiệu

5. Xác Định Mức Giá Quan Trọng (Pivot & S/R)

- Đánh dấu vùng support và resistance
- Lưu ý pivot points cho day trading
- Đánh giá độ mạnh của từng mức

6. Tính Vị Thế & Đặt Stop (Risk & Reward)

- Tính giá vào tối ưu
- Xác định số lượng cổ
- Đặt stoploss và target
- Kiểm tra tỷ lệ risk-reward

7. Xác Thực Phân Phối (Distribution Analysis)

- Kiểm tra đặc điểm phân phối lợi nhuận
- Đánh giá tail risk (kurtosis)
- Điều chỉnh stop cho phân phối đuôi béo

8. Tinh Chỉnh Điểm Vào (S/R Engine Diagnostics)

- Xác thực độ tin cậy mức S/R
- Xác định các vùng có độ tin cậy cao
- Timing điểm vào dựa trên cluster levels

BunnyQuant

Nền Tảng Giao Dịch Định Lượng

<https://quant.drnamlabs.com>

© 2026 Dr. Nam Labs. Bản quyền được bảo lưu.